

Bản án số: **01/2020/DS-PT**
Ngày 18 - 02 - 2020
“V/v ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông La Minh Tường

Các Thẩm phán: Ông Trần Hưng Bình
Ông Nguyễn Văn Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tú Loan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Hòa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 14/2019/TLPT-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 130/2019/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2020/QĐPT-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Trần Minh C**, sinh năm 1989. Địa chỉ: xã Phong X, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị Quỳnh N**, sinh năm 1996. Địa chỉ: phường T, thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Người kháng cáo: Anh Trần Minh C - Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn- anh Trần Minh C trình bày: Anh C và chị Nguyễn Thị Quỳnh N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phong X, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 07/6/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, mối quan hệ giữa mẹ anh C và chị N thường xuyên xung đột. Từ tháng 10/2017 chị N đã đưa hai con về nhà bố mẹ ruột để ở và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Anh C nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ

chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh C và chị N có hai người con chung là cháu Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 03/8/2016 và cháu Trần Ngọc T, sinh ngày 18/6/2018. Hiện tại hai cháu đang ở với chị N. Nay ly hôn, anh C có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Ngọc H và giao cháu Ngọc T cho chị N nuôi dưỡng. Anh C không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng.

Bị đơn - chị Nguyễn Thị Quỳnh N trình bày: Chị thừa nhận quá trình kết hôn cũng như nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng như anh C đã trình bày. Nay chị cũng nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên chị đồng ý ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị N cũng công nhận vợ chồng có hai con chung như trên. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh C và chị N khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án sơ thẩm số 130/2019/HNGĐ-ST ngày 15/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền đã quyết định:

Căn cứ Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Minh C và chị Nguyễn Thị Quỳnh N;

2. Về con chung: Các đương sự cùng xác nhận vợ chồng có hai con chung là Trần Thị Ngọc H sinh ngày 03/8/2016 và Trần Ngọc T sinh ngày 18/6/2018 (hiện 2 con đang ở với mẹ); Giao cho chị Nguyễn Thị Quỳnh N quyền trực tiếp nuôi hai con chung là Trần Thị Ngọc H và Trần Ngọc T kể từ ngày tuyên án đến khi con đủ 18 tuổi;

Trường hợp sau này, nếu chị N không đủ điều kiện để nuôi con thì cả anh C và chị N đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng theo thủ tục tố tụng dân sự.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng không xét.

3. Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xét.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền thỏa thuận thi hành án theo quy định pháp luật.

Ngày 22/11/2019 nguyên đơn - anh Trần Minh C có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị giao cho anh Trần Minh C được quyền trực tiếp nuôi một trong hai con chung là cháu Trần Thị Ngọc H và Trần Ngọc T cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế phát biểu và cho rằng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng, không có vi phạm gì cần kiến nghị khắc phục. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Minh C; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các bên đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung đơn kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của anh Trần Minh C về yêu cầu được nuôi con chung là cháu Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 03/8/2016, Hội đồng xét xử xét thấy:

Anh C và chị N đều đủ điều kiện để nuôi con và nguyện vọng của anh C và chị N đều muốn được nuôi con chung khi ly hôn là hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên hiện nay hai con chung là Trần Thị Ngọc H sinh ngày 03/8/2016 và Trần Ngọc T sinh ngày 18/6/2018 đã được chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ năm 2017 cho đến nay. Xét về điều kiện và hoàn cảnh của chị N, Hội đồng xét xử thấy rằng chị N có nơi ở, nghề nghiệp và thu nhập ổn định để nuôi con, bên cạnh đó cháu Ngọc H mới 40 tháng tuổi và cháu có giới tính nữ nên việc chăm sóc của người mẹ trong thời gian này là phù hợp hơn cho sự phát triển sau này của cháu. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Phong Điền đã nhận định và giao hai cháu cho chị N được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng khi ly hôn là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không thể thỏa mãn yêu cầu kháng cáo của anh Trần Minh C được mà giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tại phiên tòa là có căn cứ.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, chị N đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh C, còn các mối quan hệ khác không thỏa thuận được. Vì vậy, Tòa án phải căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để cho anh C được ly hôn chứ không được căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cũng như áp dụng Điều 212, Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự để công nhận thuận tình ly hôn.

Về nội dung này mặc dù các bên đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nhưng Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉnh sửa lại cho phù hợp với pháp luật và cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm để khắc phục sau này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308, Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Trần Minh C, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 130/2019/HNGĐ-ST ngày 15/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Về hôn nhân: Cho anh Trần Minh C được ly hôn chị Nguyễn Thị Quỳnh N.

Về con chung: Giao hai con chung là Trần Thị Ngọc H sinh ngày 03/8/2016 và Trần Ngọc T sinh ngày 18/6/2018 cho chị Nguyễn Thị Quỳnh N được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cho đến lúc trưởng thành. Anh Trần Minh C không phải đóng góp phí tổn nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Trần Minh C phải chịu 300.000 đồng. Số tiền này anh C đã nộp đủ tại biên lai thu tiền số 008503 ngày 09/9/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phong Điền.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Các đương sự;
- TAND huyện Phong Điền;
- Chi cục THADS huyện Phong Điền;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu HCTP; Tòa Chuyên trách.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

La Minh Tường